BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ CÂY CẢNH VÙNG CHÂU THỔ BẮC BỘ TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HÓA VÀ HỘI NHẬP

ĐỖ THỊ HOA
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế GraceaAlly

Nhận bài ngày 10/9/2026. Sửa chữa xong 11/10/2026. Duyệt đăng 25/10/2026.

Abstract

This study examines the preservation and promotion of traditional ornamental tree craft villages in the Northern Delta, a distinctive ecological and cultural heritage of wet-rice communities. Using field surveys, sociological investigation, and comparative analysis in Vi Khe, Phung Cong–Xuan Quan, and Nghi Tam–Nhat Tan, the study evaluates the economic, cultural, ecological, and social values of ornamental tree art. The findings show that these villages contribute to rural economic restructuring and higher incomes but face shrinking agricultural land, declining indigenous tree genetic resources, workforce discontinuity, and limited online commercialization. The article proposes five solutions: conserving craft village spaces, applying biotechnology and digital transformation, developing experiential ecotourism, training skilled workers, and building collective brands associated with geographical indications. Promoting these villages is essential to sustainable ecological development and advanced rural development.

Keywords: *Craft villages; Northern Delta; ornamental trees; preservation; sustainable development.*

1. Đặt vấn đề

Vùng châu thổ Bắc Bộ (đồng bằng sông Hồng) từ lâu đã được xác lập là cái nôi của văn minh lúa nước Việt Nam, nơi hội tụ và lưu giữ hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng phong phú (Trần Quốc Vượng, 2010). Trong tiến trình phát triển lịch sử - xã hội, cấu trúc làng xã Bắc Bộ không chỉ gắn liền với hoạt động trồng lúa mà còn hình thành nên mạng lưới làng nghề thủ công và sinh vật cảnh truyền thống độc đáo. Các làng nghề này giữ vai trò là những "bảo tàng sống", phản ánh tri thức dân gian, kỹ năng lao động sáng tạo, ứng xử thân thiện với môi trường tự nhiên và bản sắc văn hóa cộng đồng qua nhiều thế hệ (Dương Bá Phượng, 2001).

Bên cạnh các làng nghề thủ công mỹ nghệ sản xuất hàng hóa phi nông nghiệp (gốm sứ, dệt lụa, chạm khắc gỗ, đúc đồng), hệ thống các làng nghề trồng, chăm sóc và tạo tác cây cảnh nghệ thuật (sinh vật cảnh) nổi lên như một hình thái kinh tế - văn hóa đặc thù. Nghệ thuật cây cảnh ở vùng châu thổ Bắc Bộ không đơn thuần là một ngành sản xuất nông nghiệp đô thị có giá trị thương mại cao, mà còn là một hình thái nghệ thuật sống, chứa đựng triết lý nhân sinh, vũ trụ quan Đông phương và tính thẩm mỹ sâu sắc của người Việt (Tô Duy Hợp, 2000).

Bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, dưới tác động mạnh mẽ của công nghiệp hóa, đô thị hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, vùng châu thổ Bắc Bộ đang trải qua những biến đổi sâu sắc về không gian địa lý, cơ cấu xã hội và phương thức sinh kế (Mai Thế Hởn, 2003). Quá trình đô thị hóa nén đã làm thu hẹp đáng kể quỹ đất canh tác nông nghiệp; sự chuyển đổi thị hiếu thẩm mỹ của thị trường cùng sức ép cạnh tranh từ các sản phẩm sinh vật cảnh ngoại nhập đang tạo ra nhiều rủi ro cho người trồng cây cảnh truyền thống (Trương Văn Quảng, 2020). Bên cạnh đó, nguy cơ mai một các bí quyết tạo dáng cổ

Email: graceallyhanah@gmail.com

truyền, sự suy giảm nguồn gen các giống cây bản địa quý hiếm và tình trạng thiếu hụt lực lượng lao động trẻ nối nghiệp đang đặt các làng nghề cây cảnh trước nguy cơ suy thoái.

Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có những nghiên cứu lý luận và thực tiễn chuyên sâu, từ đó đúc kết bài học kinh nghiệm và định hình hệ thống giải pháp khoa học đồng bộ nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản làng nghề cây cảnh. Việc duy trì và phát triển bền vững các làng nghề cây cảnh không chỉ bảo tồn di sản văn hóa dân tộc, mà còn là mắt xích quan trọng giúp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, tạo sinh kế có giá trị gia tăng cao và hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu hiện nay (Lê Xuân Tâm & Nguyễn Tất Thắng, 2013).

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành giữa văn hóa học, xã hội học nông thôn, kinh tế nông nghiệp và khoa học môi trường nhằm đánh giá đa chiều về làng nghề cây cảnh. Các phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu cụ thể bao gồm:

2.1. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp

Tác giả tiến hành tổng quan các công trình nghiên cứu đã xuất bản, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển làng nghề, báo cáo tổng kết của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022), cũng như số liệu niên giám thống kê của các tỉnh Nam Định, Hưng Yên và TP. Hà Nội giai đoạn 2018-2025.

2.2. Phương pháp khảo sát thực địa và phỏng vấn sâu

Hoạt động nghiên cứu thực địa được triển khai tại 03 cụm làng nghề cây cảnh đại diện cho các hình thái phát triển tiêu biểu ở châu thổ Bắc Bộ:

1. *Làng nghề cây cảnh Vị Khê (xã Điền Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định):* Đại diện cho làng nghề cây cảnh nghệ thuật cổ xưa nhất Việt Nam với lịch sử hơn 800 năm.

2. *Cụm làng nghề hoa - cây cảnh Phụng Công và Xuân Quan (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên):* Đại diện cho làng nghề chuyển đổi cơ cấu cây trồng năng động, ứng dụng công nghệ cao khu vực ven đô.

3. *Cụm làng nghề cây cảnh truyền thống ven Hồ Tây - Nghi Tàm, Nhật Tân (quận Tây Hồ, TP. Hà Nội):* Đại diện cho làng nghề cây cảnh nội đô chịu tác động trực tiếp của đô thị hóa nén.

Tác giả đã thực hiện 45 cuộc phỏng vấn sâu với các Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, chủ các nhà vườn quy mô lớn, cán bộ quản lý chính quyền địa phương và đại diện Hội Sinh vật cảnh các cấp.

2.3. Phương pháp phân tích SWOT

Sử dụng công cụ SWOT để đánh giá toàn diện Điểm mạnh (*Strengths*), Điểm yếu (*Weaknesses*), Cơ hội (*Opportunities*) và Thách thức (*Threats*) đối với việc bảo tồn và phát triển làng nghề cây cảnh Bắc Bộ trong bối cảnh hiện nay.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Giá trị cốt lõi của làng nghề cây cảnh vùng châu thổ Bắc Bộ

3.1.1. Giá trị văn hóa - triết lý và thẩm mỹ nghệ thuật

Nghệ thuật cây cảnh (cây thế, bonsai truyền thống) ở Bắc Bộ là sự kết tinh giữa tri thức dân gian và cảm quan thẩm mỹ tinh tế của người Việt. Khác với phong cách bonsai Nhật Bản thiên về mô phỏng vẻ đẹp thiên nhiên thu nhỏ một cách tự nhiên, hay phong cách Penjing Trung Quốc thiên về sự kỳ vĩ, hoàng tráng, cây cảnh cổ truyền Bắc Bộ chú trọng đặc biệt đến "Thế" và "Dáng", thể hiện rõ nét triết lý đạo đức, nhân sinh quan của Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo (Tô Duy Hợp, 2000).

Các dáng cây kinh điển như *Thất sơn, Tam đa (Phúc - Lộc - Thọ), Ngũ phúc, Trực quân tử, Mẫu tử, Huynh đệ, Long phượng uốn lượn*... không chỉ đơn thuần là kỹ thuật uốn nắn cành nhánh mà là sự gửi gắm ước mơ về một gia đình hòa thuận, xã hội kỷ cương, con người sống trung thực, kiên cường trước sóng gió

(Trần Quốc Vượng, 2010). Cây cảnh truyền thống đạt đến độ hoàn mỹ phải hội tụ đủ 4 yếu tố: *Cổ - Kỳ - Mỹ - Văn*.

- CỔ (Vết thời gian): Cây lâu năm, vỏ mốc meo, rễ nu nần, phô bày sự già cỗi;

- KỲ (Sự kỳ thú): Biến dạng tự nhiên kết hợp bàn tay uốn nắn độc đáo;

- MỸ (Độ thẩm mỹ): Tỷ lệ cân đối giữa rễ, thân, cành, lá và chậu trồng;- VĂN (Chiều sâu): Triết lý nhân sinh, cốt cách quân tử, tính nhân văn.

3.1.2. Giá trị kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động

Trồng cây cảnh mang lại hiệu quả kinh tế vượt trội so với các cây trồng nông nghiệp truyền thống. Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022), doanh thu trung bình trên một đơn vị diện tích đất trồng cây cảnh nghệ thuật đạt từ 800 triệu đến 2,5 tỷ đồng/ha/năm, cao gấp 10 đến 20 lần so với trồng lúa và rau màu. Nghề làm cây cảnh tạo việc làm ổn định cho đa dạng tầng lớp lao động, từ thanh niên đến người cao tuổi, giúp hạn chế tình trạng tha phương cầu thực của lao động nông thôn (Dương Bá Phượng, 2001).

3.1.3. Giá trị sinh thái và môi trường cảnh quan

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và bê tông hóa nhanh chóng, các làng nghề cây cảnh hoạt động như những "lá phổi xanh" diện tích lớn cho toàn vùng đồng bằng. Việc duy trì các nhà vườn, trang trại cây cảnh góp phần điều hòa vi khí hậu, gia tăng độ che phủ cây xanh, duy trì đa dạng sinh học các giống cây bản địa quý như sanh, si, đa, đề, tùng la hán, mai chiếu thủy, ngâu, nguyệt quới...

3.2. Thực trạng phát triển và thích ứng tại các địa bàn khảo sát

Qua khảo sát thực địa tại 03 địa bàn tiêu biểu, nghiên cứu ghi nhận sự đa dạng trong phương thức vận hành và mức độ thích ứng của từng làng nghề:

Bảng 1: So sánh đặc điểm sản xuất và tiêu thụ tại 03 Làng nghề được khảo sát.

Tiêu chí so sánh	Làng Vị Khê (Nam Định)	Làng Phụng Công (Hưng Yên)	Làng Nghi Tàm (Hà Nội)
Sản phẩm chủ lực	Cây thế cổ, cây đại thụ, cây công trình	Bonsai mini, cây hoa, cây cảnh nội thất	Bonsai nghệ thuật, đào thế, cây văn phòng
Quỹ đất canh tác	Tương đối rộng	Mở rộng theo trang trại	Rất hẹp, phân tán
Kênh tiêu thụ chính	Thương lái, nhà vườn truyền thống	Mạng xã hội, e-commerce và bán lẻ toàn quốc	Khách hàng trực tiếp, dịch vụ cho thuê
Mức độ ứng dụng công nghệ số	Khá (bắt đầu triển khai mô hình QR code 3D)	Rất cao	Trung bình - Khá

3.2.1. Làng nghề cây cảnh Vị Khê (Điền Xá, Nam Trực, Nam Định)

Vị Khê được coi là "đất tổ" của nghề cây cảnh Việt Nam, có lịch sử hình thành từ năm 1211 thời Lý - Trần. Hiện nay, toàn xã Điền Xá có trên 80% số hộ tham gia làm nghề cây cảnh, mang lại nguồn thu nhập hàng trăm tỷ đồng mỗi năm (Lê Xuân Tâm & Nguyễn Tất Thắng, 2013). Vị Khê nổi tiếng với kỹ thuật tạo dáng thế cổ truyền cực kỳ tinh xảo. Điểm sáng gần đây là địa phương đã bắt đầu triển khai mô hình "Số hóa làng nghề hoa, cây cảnh Vị Khê" trên nền tảng bản đồ số và mã QR 3D/4D để giới thiệu độ tuổi, chủng loại và giá trị tác phẩm tới khách hàng.

3.2.2. Cụm làng nghề Phụng Công - Xuân Quan (Văn Giang, Hưng Yên)

Phụng Công và Xuân Quan thể hiện sự bứt phá năng động trong khoảng 15 năm trở lại đây. Từ một vùng đất thuần nông, các làng nghề này đã chuyển đổi toàn bộ diện tích đất trồng lúa sang trồng cây cảnh, hoa chậu và bonsai mini. Nhờ vị trí giáp ranh thủ đô Hà Nội, các hộ dân đã nhạy bén nắm bắt thị hiếu thị trường, ứng dụng mạnh mẽ các mạng xã hội và sàn thương mại điện tử để kinh doanh trực tiếp, biến Văn Giang thành trung tâm cung ứng sinh vật cảnh lớn nhất miền Bắc.

3.2.3. Cụm làng nghề ven Hồ Tây - Nghi Tàm, Nhật Tân (Tây Hồ, Hà Nội)

Là làng nghề nằm trong lòng đô thị trung tâm, Nghi Tàm - Nhật Tân chịu sức ép bùng nổ của quá

trình đô thị hóa. Diện tích đất canh tác thu hẹp đáng kể (Trương Văn Quảng, 2020). Để tồn tại, các nghệ nhân tại đây đã chủ động thu nhỏ quy mô, chuyển hướng sang dòng cây cảnh bonsai siêu mini nghệ thuật cao, bonsai kết hợp đá cảnh, và dịch vụ cho thuê cây cảnh văn phòng, đào thế ngày Tết. Đây là mô hình thích ứng điển hình của làng nghề trong không gian đô thị hóa nén.

3.3. Các thách thức và mâu thuẫn cốt lõi trong bối cảnh chuyển đổi

Qua phân tích thực trạng, nghiên cứu chỉ ra 04 nhóm thách thức cốt lõi đang đe dọa sự phát triển bền vững của các làng nghề cây cảnh châu thổ Bắc Bộ:

CÁC THÁCH THỨC CỐT LÕI	
1. Thu hẹp đất đai	Do đô thị hóa và quy hoạch chưa ổn định dài hạn.
2. Đứt gãy thế hệ	Thanh niên ly nông, thiếu người kế thừa.
3. Lạc hậu công nghệ	Sản xuất thủ công, thiếu truy xuất nguồn gốc
4. Ô nhiễm môi trường	Lạm dụng chất hóa học, rác thải nhựa bầu cây

- Sức ép quy hoạch và thu hẹp không gian sinh tồn: Đô thị hóa và công nghiệp hóa làm suy giảm diện tích đất nông nghiệp chất lượng cao (Mai Thế Hởn, 2003). Nhiều làng nghề không nằm trong quy hoạch sử dụng đất dài hạn, dẫn đến tâm lý đầu tư ngắn hạn của người dân, thiếu sự kiên nhẫn - vốn là yếu tố bắt buộc của nghệ thuật tạo tác cây cảnh.

- Nguy cơ đứt gãy thế hệ nối nghiệp: Nghề làm cây cảnh nghệ thuật đòi hỏi sự kiên nhẫn, công phu, tốn nhiều thời gian và phải tích lũy tri thức dân gian qua nhiều năm. Lực lượng lao động trẻ hiện nay có xu hướng rời quê hương làm việc tại các khu công nghiệp hoặc chuyển sang các ngành dịch vụ hiện đại. Do đó, đội ngũ nghệ nhân giỏi ngày càng già đi, nhiều bí quyết tạo dáng cổ truyền đứng trước nguy cơ thất truyền.

- Công nghệ chế tác và phương thức kinh doanh chậm đổi mới: Việc áp dụng công nghệ sinh học trong nhân giống (như nuôi cấy mô), kỹ thuật chăm sóc tự động và xử lý sâu bệnh thân thiện với môi trường còn hạn chế. Phần lớn các hộ sản xuất vẫn làm theo kinh nghiệm cảm tính. Việc xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý và mã số vùng trồng chưa được quan tâm đúng mức.

- Vấn đề ô nhiễm môi trường và phát triển thiếu bền vững: Sự gia tăng sử dụng túi bầu nilon, chậu nhựa dùng một lần, cùng việc xả thải phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật chưa qua xử lý xuống kênh rạch nội đồng đang gây ô nhiễm môi trường sinh thái làng nghề, đi ngược lại tiêu chí "xanh" của nghề sinh vật cảnh.

3.4. Bài học kinh nghiệm đúc kết từ thực tiễn

Từ việc nghiên cứu thực tế tại các địa phương, tác giả đúc kết 03 bài học kinh nghiệm quan trọng nhằm giải quyết các xung đột giữa phát triển và bảo tồn:

Bài học 1: Chủ động chuyển đổi cơ cấu sản phẩm linh hoạt theo nhu cầu thị trường. Làng nghề không thể chỉ thụ động giữ nguyên các mẫu cây thế cổ thụ đắt đỏ dành cho giới siêu giàu, mà cần đa dạng hóa sản phẩm sang dòng cây cảnh văn phòng, bonsai mini, cây cảnh phong thủy cho không gian sống hiện đại.

Bài học 2: Liên kết chặt chẽ "4 nhà" (Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp - Nhà nông/Nghệ nhân). Thực tiễn tại Phụng Công và Xuân Quan cho thấy, khi chính quyền địa phương hỗ trợ hạ tầng giao thông, các nhà khoa học chuyển giao kỹ thuật vắc-xin sinh học cho cây, doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm và nghệ nhân tập trung sáng tác thì làng nghề phát triển rất bứt phá.

Bài học 3: Gắn kết bảo tồn di sản với phát triển dịch vụ du lịch trải nghiệm. Việc biến nhà vườn thành điểm dừng chân du lịch, mở rộng các hội thi sinh vật cảnh thành lễ hội văn hóa du lịch (như Lễ hội Cây cảnh Vị Khê) giúp vừa tạo thêm nguồn thu cho nghệ nhân, vừa lan tỏa giá trị văn hóa làng nghề tới du khách trong và ngoài nước (Phạm Cao Quý, 2016).

3.5. Hệ thống giải pháp khoa học nhằm bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề cây cảnh

Để giải quyết triệt để các hạn chế và phát huy tối đa giá trị di sản làng nghề cây cảnh vùng châu thổ Bắc Bộ, cần triển khai đồng bộ 05 nhóm giải pháp khoa học sau:

3.5.1. Nhóm giải pháp quy hoạch không gian và chính sách tích tụ đất đai

Chính quyền các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng cần đưa làng nghề cây cảnh truyền thống vào quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2050 với tư cách là vùng canh tác nông nghiệp sinh thái đặc thù (Trương Văn Quảng, 2020). Cần cơ chế cho phép dồn điền đổi thửa, tích tụ đất đai dưới hình thức cho thuê đất dài hạn (từ 30-50 năm) để các nghệ nhân, trang trại yên tâm đầu tư công trình kiên cố, hệ thống nhà kính và hạ tầng kỹ thuật. Đồng thời, cần xây dựng các "Công viên Sinh vật cảnh" tập trung kết hợp trưng bày nghệ thuật tại các trung tâm đô thị lớn.

3.5.2. Nhóm giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Công nghệ sinh học: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô (*tissue culture*) để nhân giống nhanh các dòng cây cảnh bản địa quý hiếm, đột biến gen có giá trị cao; ứng dụng chế phẩm sinh học BVTV thay thế hoàn toàn hóa chất độc hại.

Chuyển đổi số: Hỗ trợ các nghệ nhân, nhà vườn xây dựng bản đồ số các làng nghề cây cảnh; gắn mã QR code truy xuất nguồn gốc, độ tuổi, lịch sử tạo tác và chứng nhận nghệ nhân cho từng tác phẩm cây cảnh nghệ thuật. Xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử chuyên ngành sinh vật cảnh Việt Nam để niêm yết công khai và minh bạch giá trị tác phẩm.

MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO LÀNG NGHỀ CÂY CẢNH	
CÂY CẢNH NGHỆ THUẬT	
GẮN MÃ QR CODE TRUY XUẤT	
Dữ liệu lịch sử và xuất xứ Tuổi cây, tác giả, ý nghĩa nghệ thuật Nhật ký chăm sóc và đạt giải thưởng	Sàn giao dịch trực tuyến Niêm yết công khai giá trị Thanh toán và vận chuyển an toàn

3.5.3. Nhóm giải pháp xây dựng thương hiệu tập thể và bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Cần khẩn trương làm thủ tục đăng ký bảo hộ Nhãn hiệu tập thể hoặc Chỉ dẫn địa lý cho các làng nghề nổi tiếng như "Cây cảnh Vị Khê", "Hoa cây cảnh Phụng Công". Việc chuẩn hóa các tiêu chuẩn kỹ thuật, xây dựng bộ nhận diện thương hiệu quốc gia cho cây cảnh Bắc Bộ sẽ giúp gia tăng giá trị xuất khẩu sang các thị trường quốc tế khó tính như Châu Âu, Nhật Bản, Bắc Mỹ và Đông Nam Á.

3.5.4. Nhóm giải pháp đào tạo, truyền nghề và phát triển nguồn nhân lực

Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành chương trình đào tạo nghề phi chính quy và chính quy về "Nghệ thuật Sinh vật cảnh" tại các trường đại học nông nghiệp và cao đẳng nghề. Chính quyền địa phương cần có chính sách tôn vinh, đãi ngộ và cấp kinh phí cho các Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú mở lớp truyền nghề trực tiếp cho thế hệ trẻ tại làng nghề. Cần lồng ghép các buổi học ngoại khóa về nghệ thuật cây cảnh vào chương trình giáo dục địa phương tại các trường phổ thông trên địa bàn.

3.5.5. Nhóm giải pháp kết hợp làng nghề với du lịch sinh thái và nông thôn mới

Đẩy mạnh mô hình du lịch nông nghiệp sinh thái (*Agritourism*) tại các làng nghề cây cảnh. Đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông, bãi đỗ xe, nhà trưng bày di sản và đào tạo kỹ năng thuyết minh du lịch cho các nghệ nhân. Mỗi nhà vườn cây cảnh cần được thiết kế thành một điểm dừng chân sinh thái, nơi du khách vừa thưởng lãm nghệ thuật, vừa tự tay trải nghiệm kỹ thuật cắt tỉa uốn cành dưới sự hướng dẫn của nghệ nhân. Mô hình này giúp đa dạng hóa nguồn thu, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm tại chỗ và lan tỏa sâu rộng triết lý văn hóa làng nghề (Phạm Cao Quý, 2016).

Xem tiếp trang 61